Biểu mẫu số 14: Thuyết minh dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia/Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

**THUYẾT MINH DỰ THẢO**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**Dự thảo TCVN “Giống cây trồng nông nghiệp – Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 22: Giống nhãn”**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tổ chức chủ trì biên soạn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thời gian xây dựng: Năm 2024 – 2025.

**II. TÓM TẮT TÌNH HÌNH ĐỐI TƯỢNG TCVN; LÝ DO VÀ MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG**

**1. Tình hình đối tượng TCVN**

a) Tình hình trong nước

Cây nhãn (*Dimocarpus longan* L.) là cây ăn quả lâu năm dễ trồng, thích ứng rộng, phát triển tốt ở khí hậu nhiệt đới, cây mang lại giá trị kinh tế cao. Cùi nhãn có giá trị dinh dưỡng cao, thích hợp cho ăn tươi, sấy khô và chế biến thành các sản phẩm đa dạng, có thị trường tiêu thụ lớn cả trong và ngoài nước. Trong cùi nhãn, hàm lượng đường tổng số chiếm 15 - 20%, acid 0,09 - 0,1%, vitamin C 43 - 163 mg/100 g. Ngoài ra cùi nhãn còn chứa các vitamin B1, B2 và các khoáng chất như Ca, P, Fe..., đều là những chất bổ cần cho sức khoẻ của con người. Ngoài sử dụng ăn tươi, nhãn sấy khô dưới dạng long nhãn được sử dụng ăn trực tiếp hoặc là thành phần trong các bài thuốc nam bồi bổ sức khỏe cho những người bị suy nhược cơ thể.

 Ở Việt Nam, nhãn được chú trọng phát triển ở hầu khắp các vùng miền trong cả nước. Tổng diện tích các vùng trồng nhãn ước khoảng 80.000 ha, đứng trong top 5 các loại cây ăn quả có diện tích lớn nhất cả nước. Sản lượng hơn 600.000 tấn/năm. Việt Nam xuất khẩu nhãn chủ yếu sang 2 thị trường Mỹ và Trung Quốc, chiếm 60% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong quý 1/2023. Các thị trường xuất khẩu lớn tiếp theo gồm Nhật Bản, Canada, UAE… Cơ cấu chủng loại nhãn xuất khẩu khá đa dạng, từ nhãn tươi, nhãn khô, long nhãn, nhãn đông lạnh và nước ép nhãn. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, cây nhãn ở các tỉnh phía Bắc có nhiều lợi thế về khả năng sinh trưởng, cho năng suất cao và chất lượng quả tốt, có thể trở thành một trong những cây ăn quả chủ lực ở các tỉnh phía Bắc. Những năm gần đây, do giá trị của cây nhãn mang lại kinh tế cao, người nông dân trồng nhãn đã quan tâm nhiều hơn đến công tác giống và kỹ thuật canh tác nhãn để nâng cao năng suất và chất lượng quả.

Năm 2013, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành quy chuẩn quốc gia QCVN 01-128:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nhãn. Quy chuẩn trên đã được sử dụng làm căn cứ để tiến hành khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định nhằm bảo hộ giống nhãn mới từ năm 2013. Tuy nhiên, nhằm phù hợp theo mục tiêu quản lý của ngành thì việc xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm DUS đối với giống Nhãn là rất cần thiết.

b) Tình hình quốc tế

Trong các nước trồng nhãn trên thế giới, Trung Quốc là quốc gia có lịch sử trồng nhãn lâu đời nhất và nhiều nhất trên thế giới, chiếm hơn 50% tổng diện tích trồng. Tại Trung Quốc, nhãn được trồng chủ yếu tại khu vực phía Nam và Tây Nam, Quảng Đông là địa phương có diện tích và sản lượng nhãn lớn nhất với diện tích trồng vào khoảng 140.000 ha. Tại Thái Lan, nhãn là loại mọt trong sáu loại trái cây xuất khẩu lớn. Tính đến tháng 04/2024, khoảng 7,11 triệu kg nhãn đã được xuất khẩu từ Thái Lan, đạt khoảng 303,7 triệu baht Thái. Nước có diện tích nhãn lớn tiếp theo là Ấn Độ. Tại mỗi nước trồng nhãn trên thế giới đều có bộ giống trồng thích hợp, có quy trình kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện sinh thái của nước sở tại.

Ngày 24/12/2006, Việt Nam trở thành thành viên thứ 63 của Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV). Việt Nam cũng phải tuân thủ theo Công ước của UPOV, ở đó Việt Nam có thể trao đổi kết quả khảo nghiệm DUS của Việt Nam với các nước thành viên khác của Hiệp hội và ngược lại. Theo quy định tại Công ước quốc tế UPOV 1991, các nước gia nhập (UPOV) sau 10 năm sẽ tiến hành bảo hộ tất cả các loài cây trồng và Khoản 64 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ 2022 đã bỏ cụm từ Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ, điều đó có nghĩa là Việt Nam phải thực hiện bảo hộ tất cả các loài cây trồng có đơn đăng ký. Do đó, việc xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm DUS đối với giống Nhãn là cấp bách và phù hợp.

**2. Lý do và mục đích xây dựng TCVN**

a) Lý do

- Đáp ứng yêu cầu pháp lý và cam kết quốc tế Việt Nam là thành viên chính thức của Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV) từ năm 2006 và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của Công ước UPOV 1991. Theo Công ước này, để được cấp quyền bảo hộ giống cây trồng mới, giống đó phải trải qua khảo nghiệm DUS – tức phải được chứng minh có tính khác biệt (Distinctness), tính đồng nhất (Uniformity) và tính ổn định (Stability).

- Triển khai Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng Sản phẩm hàng hóa, Luật Đo lường và các Luật chuyên ngành như Luật Trồng trọt, Luật Sở hữu trí tuệ, tập trung vào xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định về hoạt động tiêu chuẩn hóa chuyên ngành và tổ chức. Triển khai mạnh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật lĩnh vực bảo hộ giống cây trồng, công nhận giống cây trồng, chất lượng sản phẩm lĩnh vực nông nghiệp. Trong quá trình phát triển của khoa học và công nghệ đồng thời theo yêu cầu thực tiễn quản lý đối với từng thời kỳ, một số các QCVN đã được ban hành không còn phù hợp theo mục tiêu quản lý của Bộ nên cần thiết phải hủy bỏ chuyển thành TCVN hoặc văn bản quản lý của ngành.

- Việc có một hệ thống tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS chính thức không chỉ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, mà còn giúp chứng minh nguồn gốc giống minh bạch, đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, sở hữu trí tuệ và bảo hộ giống tại thị trường nước ngoài.

b) Mục đích

- Thiết lập hành lang pháp lý và kỹ thuật cho công tác khảo nghiệm DUS giống Nhãn: TCVN về khảo nghiệm DUS đối với giống Nhãn sẽ là tài liệu chính thức quy định các yêu cầu, phương pháp và tiêu chí kỹ thuật để đánh giá một giống Nhãn mới có đủ điều kiện được cấp bằng bảo hộ hay không. Đây là căn cứ để các cơ quan chức năng, tổ chức khảo nghiệm và các bên liên quan triển khai hoạt động khảo nghiệm một cách thống nhất, minh bạch và đúng quy định.

- Làm cơ sở để tiếp tục xử lý hồ sơ đăng ký bảo hộ giống Nhãn sau khi hủy bỏ QCVN 01-128:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nhãn.

- Tăng cường năng lực hệ thống khảo nghiệm trong nước: Tiêu chuẩn sẽ là căn cứ để công nhận các tổ chức khảo nghiệm DUS giống Nhãn, đào tạo cán bộ chuyên môn, thiết lập hệ thống cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật phù hợp với đặc thù của loài cây trồng này. Qua đó, góp phần xây dựng một hệ thống khảo nghiệm bài bản, chuyên nghiệp, từng bước tự chủ kỹ thuật trong nước.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo và thương mại hóa giống: Tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng là cơ sở để các nhà chọn giống yên tâm đầu tư nghiên cứu, chọn tạo giống mới, đồng thời tạo điều kiện để thương mại hóa giống thông qua chuyển giao, hợp tác sản xuất, nhân giống. Điều này góp phần nâng cao giá trị kinh tế của ngành sản xuất rau và tạo động lực phát triển bền vững.

- Tăng cường hội nhập quốc tế và hợp tác song phương trong bảo hộ giống cây trồng: TCVN khảo nghiệm DUS giống Nhãn sẽ là căn cứ để Việt Nam tham gia trao đổi, công nhận kết quả khảo nghiệm DUS với các quốc gia thành viên UPOV, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo hộ và thương mại hóa giống Nhãn ra thị trường khu vực và thế giới.

**III. GIẢI THÍCH NHỮNG NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO TCVN**

**1. Tóm tắt những chương, phần chính của tiểu chuẩn**

Giống cây nông nghiệp – Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) - Phần 22: Giống nhãn

1. Phạm vi áp dụng

2. Tài liệu viện dẫn

3. Thuật ngữ và định nghĩa

3.1. Giống khảo nghiệm

3.2. Giống tương tự

3.3. Tính trạng đặc trưng

3.4. Cây khác dạng

4. Các từ viết tắt

5. Yêu cầu kỹ thuật

5.1. Yêu cầu về các tính trạng đặc trưng của giống

5.2. Yêu cầu về phương pháp khảo nghiệm

5.2.1. Yêu cầu vật liệu khảo nghiệm

5.2.1.1. Giống khảo nghiệm

5.2.1.2. Giống tương tự

5.2.2. Phân nhóm giống khảo nghiệm

5.2.3. Phương pháp bố trí thí nghiệm

5.2.3.1. Thời gian khảo nghiệm

5.2.3.2. Điểm khảo nghiệm

5.2.3.3. Bố trí thí nghiệm

5.2.4. Phương pháp đánh giá

5.2.4.1. Đánh giá tính khác biệt

5.2.4.2. Đánh giá tính đồng nhất

5.2.4.3. Đánh giá tính ổn định

6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị để khảo nghiệm

Phụ lục A (tham khảo): Bảng tính trạng đặc trưng

Phụ lục B (quy định): Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm DUS giống Nhãn

Phụ lục C (tham khảo): Hướng dẫn kỹ thuật canh tác

Phụ D: Giải thích, minh hoạ và hướng dẫn theo dõi một số tính trạng.

Phụ lục tài liệu tham khảo

**2. Giải thích những quy định trong tiêu chuẩn**

(*Giải thích, làm rõ căn cứ khoa học và thực tiễn của những chỉ tiêu/quy định tại phần nội dung kỹ thuật của dự thảo; Tổng hợp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật; đánh giá thực trạng, tiến hành lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áo dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật; phân tích, đánh giá mức độ rủi ro của đối tượng quản lý để xác định phương thức quản lý phù hợp trong dự thảo quy chuẩn*)

**2.1. Căn cứ khoa học và thực tiễn đối với các nội dung của dự thảo**

a) Căn cứ khoa học

Dự thảo tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống hướng dẫn kỹ thuật của Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng (UPOV), gồm:

- TG/1/3 – Hướng dẫn chung về khảo nghiệm DUS và xây dựng bảng mô tả giống một cách hài hòa.

- TGP/8/1 – Phương pháp bố trí thí nghiệm và các biện pháp kỹ thuật trong khảo nghiệm.

- TGP/9/1, 10/1, 11/1 – Hướng dẫn cụ thể đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định.

Các tài liệu trên đảm bảo rằng quy trình khảo nghiệm được xây dựng theo nguyên tắc khoa học, chuẩn hóa và có khả năng tích hợp với hệ thống quốc tế. Ngoài ra, cấu trúc bảng tính trạng và phương pháp đánh giá cũng sử dụng mã hóa, ký hiệu, phương pháp theo dõi, đánh giá các tính trạng (VG, VS, MS, MG…) thống nhất với hệ thống của UPOV, giúp đảm bảo tính khách quan, dễ dàng và thuận lợi trong quá trình tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo khảo nghiệm DUS.

b) Căn cứ thực tiễn:

Việc xây dựng dự thảo TCVN khảo nghiệm DUS giống Nhãn được thực hiện trên cơ sở khảo sát, thu thập và tổng hợp thực tiễn canh tác, sản xuất và chọn tạo giống Nhãn tại Việt Nam. Cụ thể:

- Nhãn là cây ăn quả được chú trọng phát triển ở hầu khắp các vùng miền trong cả nước, mang lại giá trị kinh tế cao.

- Nhiều giống nhãn đã và đang được nhân giống bằng phương pháp ghép cành hoặc chiết cành từ gốc từ các giống trong nước và nhập nội từ nước ngoài đã được đánh giá là có khả năng kết hợp tốt với cành ghép, tạo tổ hợp ghép có khả năng sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao, chất lượng quả tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh và các điều kiện bất thuận của môi trường.

- Thực tế số lượng tiếp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống nhãn cho thấy sự đa dạng của nguồn giống.

**2.2. Khảo sát thực địa phục vụ xây dựng nội dung dự thảo TCVN**

Để xây dựng bảng tính trạng đặc trưng, Ban soạn thảo đã thực hiện khảo sát thực tế các giống nhãn đang được sản xuất phổ biến trong nước và tham khảo cơ sở dữ liệu giống tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống (Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Cây ăn quả Miền Nam, Trung tâm nghiên cứu Cây ăn quả miền Đông Nam Bộ, các Hợp tác xã trồng nhãn tại xã An Thạch Tây, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, vùng trồng nhãn tại Hợp tác xã thuộc huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La).

a) Căn cứ lựa chọn tính trạng

Các tính trạng được lựa chọn đưa vào bảng tính trạng đặc trưng dựa trên 3 nguyên tắc:

- Tính di truyền ổn định và ít chịu ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh;

- Có khả năng quan sát hoặc đo lường được bằng phương pháp khách quan, khoa học;

- Có tính phân biệt rõ ràng giữa các giống (nhằm phục vụ mục tiêu phân biệt giống trong khảo nghiệm DUS).

Bảng tính trạng trong dự thảo bao gồm 40 tính trạng, trong đó có cả tính trạng định tính (PQ), định lượng (QN) và giả định tính (QL), sử dụng các mã số theo thang điểm UPOV để đảm bảo chuẩn hóa và khả năng tích hợp với hệ thống quốc tế.

b) Phân loại và minh họa tính trạng

- Các tính trạng được phân theo loại (VG, VS, MS, MG...) và được ghi chú rõ ràng trong bảng cùng phương pháp quan sát (trực quan hoặc đo đếm), hình thức ghi nhận (cá thể hay nhóm), kết hợp với minh họa trong Phụ lục A để giúp cán bộ khảo nghiệm dễ dàng nhận diện và thực hiện đánh giá.

- Một số tính trạng đặc biệt quan trọng và được đánh dấu (\*) để đảm bảo luôn phải sử dụng trong mô tả giống.

c) Khả năng ứng dụng trong thực tiễn

Bảng tính trạng được xây dựng vừa đảm bảo tính khoa học, vừa phù hợp với điều kiện sản xuất, khảo nghiệm tại Việt Nam. Ví dụ:

- Kích thước lá, quả: đo bằng thước trên đồng ruộng;

- Màu sắc: có thể đối chiếu bảng so màu chuẩn, phù hợp điều kiện ánh sáng tự nhiên.

Các nội dung kỹ thuật trong Dự thảo TCVN DUS giống Nhãn được xây dựng chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tiễn và có khả năng ứng dụng cao. Việc ban hành tiêu chuẩn này sẽ tạo nền tảng quan trọng để triển khai khảo nghiệm DUS, thẩm định và bảo hộ giống Nhãn một cách minh bạch, chính xác, phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu thực tiễn trong nước.

**3. Tính ưu việt và những điểm cần chú ý của dự thảo Tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo**

**3.1. Tính ưu việt của dự thảo Tiêu chuẩn**

- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, hài hòa với hệ thống UPOV: Cấu trúc, phương pháp đánh giá và quy trình khảo nghiệm tuân thủ theo hướng dẫn TG/1/3, TGP/8, TGP/9, TGP/10, TGP/11 của UPOV. Điều này giúp Việt Nam tăng cường khả năng công nhận lẫn nhau trong khảo nghiệm DUS, thuận lợi cho xuất khẩu giống và hội nhập quốc tế.

- Bảng tính trạng đặc trưng toàn diện, khoa học và dễ áp dụng: Với 40 tính trạng được lựa chọn dựa trên khảo sát thực tế và phân tích chuyên môn, bảng tính trạng phản ánh đầy đủ sự đa dạng hình thái và khả năng phân biệt giữa các giống mướp, đồng thời được minh họa rõ trong phụ lục kỹ thuật. Thêm vào đó, việc cập nhật lại giống điển hình được sử dụng làm chuẩn đối với một trạng thái biểu hiện cụ thể của một hoặc nhiều tính trạng tại miền Bắc và miền Nam cho thấy sự đa dạng về các giống nhãn tại Việt Nam.

- Quy định chi tiết về vật liệu khảo nghiệm và điều kiện thực hiện: Dự thảo quy định rõ số lượng hạt giống, chất lượng vật liệu, bố trí thí nghiệm, yêu cầu về cơ sở vật chất – tạo cơ sở đồng bộ trong tổ chức khảo nghiệm giữa các đơn vị.

- Phù hợp với năng lực tổ chức khảo nghiệm trong nước: Cách bố trí thí nghiệm, quy mô, phương pháp đánh giá đã được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi triển khai.

**3.2 Những điểm cần chú ý của dự thảo Tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo**

Nhằm hoàn thiện Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về “Giống cây trồng nông nghiệp – Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 22: Giống nhãn”, các cơ quan, tổ chức và cá nhân được đề nghị tập trung góp ý vào các nội dung chính sau:

a) Tính đầy đủ, hợp lý và khả thi của bảng tính trạng đặc trưng

- Số lượng tính trạng (40 tính trạng) có phản ánh đầy đủ các đặc điểm hình thái và sinh học quan trọng để phân biệt giữa các giống nhãn được biết đến rộng rãi và giống đăng ký bảo hộ.

- Các tính trạng định tính, định lượng, giả chất lượng đã phù hợp chưa. Có nên đề xuất bổ sung/bỏ bớt tính trạng nào không.

- Cách phân loại mã số trạng thái biểu hiện, thang điểm (1–9) và cách ghi nhận (VG, VS, MS, MG...) có dễ hiểu và phù hợp với điều kiện triển khai tại đơn vị không.

\* Gợi ý: Đặc biệt chú ý các tính trạng đánh dấu (\*), vì đây là các tính trạng bắt buộc phải sử dụng trong Bảng tính trạng đặc trưng của giống và trong cả hai vụ khảo nghiệm.

b) Yêu cầu về vật liệu khảo nghiệm và giống tương tự

- Số lượng cây giống gửi khảo nghiệm tối thiểu 15 có phù hợp hay không. không.

- Quy định về việc đề xuất giống tương tự và so sánh với giống khảo nghiệm trong tờ khai kỹ thuật có rõ ràng, dễ áp dụng không.

c) Quy định bố trí thí nghiệm và phương pháp khảo nghiệm

- Phương pháp đánh giá tính khác biệt, đồng nhất và ổn định có rõ ràng, dễ áp dụng không.

d) Các phụ lục và biểu mẫu đính kèm

Phụ lục B (quy định): Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm DUS giống Nhãn có dễ sử dụng, đầy đủ và cần bổ sung thông tin gì không.

 Phụ lục C (tham khảo): Hướng dẫn kỹ thuật canh tác về quy trình kỹ thuật canh tác có phù hợp với các vùng sản xuất thực tế hay cần điều chỉnh hay không.

 Phụ D: Giải thích, minh hoạ và hướng dẫn theo dõi một số tính trạng rõ ràng cách theo dõi, đánh giá các tính trạng chưa.

đ) Ngôn ngữ và cách diễn đạt trong tiêu chuẩn

- Cách trình bày, diễn giải các thuật ngữ chuyên môn, ký hiệu có rõ ràng, nhất quán và dễ hiểu đối với cán bộ kỹ thuật, doanh nghiệp giống, tổ chức khảo nghiệm không.

- Cần rà soát các lỗi đánh máy, từ ngữ chưa thống nhất giữa phần kỹ thuật và phụ lục.

***Lưu ý chung khi góp ý:***

- Góp ý cần ghi rõ điểm chưa phù hợp, đề xuất sửa đổi cụ thể, và nêu lý do.

- Khuyến khích gửi kèm minh họa, ví dụ thực tiễn (nếu có), đặc biệt với các tính trạng về hình thái hoặc kinh nghiệm thực tế.